

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 340/2021/HC-PT

Ngày: 28 - 5 - 2021

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi  
thường, hỗ trợ, tái định cư; quyết định  
giải quyết khiếu nại.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Thanh Dũng

*Các Thẩm phán:* Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Phan Văn Yên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 162/2021/TLPT-HC ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; quyết định giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1446/2020/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 707/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:**

1/. Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1964.

Địa chỉ thường trú: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/. Bà Trần Thu T, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tỉnh lộ 15, ấp P, xã P1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Thái B. (có mặt)

Địa chỉ: đường số 1, Phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Người bị kiện:*

1/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: đường L, phường B2, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thành Ph. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Bùi Tiến Đ – Phó trưởng ban Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện C. (có mặt)

+ Ông Phạm Văn M – Chuyên viên Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện C. (có mặt)

2/. Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ: Tỉnh lộ 8, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Hoài Ph – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt D – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND và UBND huyện C:

+ Ông Nguyễn Văn V – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường. (vắng mặt)

+ Ông Bùi Tiến Đ – Phó trưởng ban Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện C. (có mặt)

+ Ông Phạm Văn M – Chuyên viên Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện C. (có mặt)

*- Người kháng cáo: Ông Huỳnh Văn H, bà Trần Thu T.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện ông Huỳnh Văn H, bà Trần Thu T trình bày:*

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4450/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết khiếu nại lần hai; Hủy Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 07/02/2014 của UBND huyện C về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số 6080/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện C về giải quyết khiếu nại lần đầu bởi các lý do sau:

Diện tích 4656,5m<sup>2</sup> bị thu hồi trong dự án làm đê bao sông Sài Gòn đoạn từ

rạch T đến cầu B tại xã P1 nằm trong tổng diện tích 24.479m<sup>2</sup> tại đồng B và đồng Tr thuộc ấp P, xã P1, huyện C thuộc quyền quản lý sử dụng của ông H. Từ năm 1998, ông H nhận chuyển nhượng của những người dân tại địa phương như ông Đoàn Văn D, ông Võ Văn Đ, bà Võ Thị S, ông Huỳnh Văn C, ông Huỳnh Văn Ch và ông Huỳnh Văn Th. Sau khi nhận chuyển nhượng ông H đã quản lý, sử dụng liên tục không bị tranh chấp. Toàn bộ diện tích trên chủ yếu trồng lúa, màu và cây ăn trái cho đến nay.

Tháng 12/2013, UBND huyện C thu hồi tổng diện tích 4656,5m<sup>2</sup> để thực hiện dự án đê bao sông Sài Gòn, không bồi thường thiệt hại về đất thu hồi, chỉ hỗ trợ cho gia đình ông 2000m<sup>2</sup> đất nông nghiệp tương ứng với số tiền 208.000.000 đồng (hai trăm lẻ tám triệu đồng chẵn) theo Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 07/02/2014. Hỗ trợ đất có nguồn gốc lần chiếm sử dụng trước ngày 15/10/1993 theo khoản 1 Điều 6 Quyết định số 35/2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H không đồng ý nhận tiền hỗ trợ vì gia đình ông không lần chiếm rạch, trong trường hợp này phải xem gia đình ông H sử dụng đất không có các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai năm 2013. Đề nghị được bồi thường phần đất bị thu hồi theo Phương án bồi thường của dự án.

Không đồng ý với Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 07/02/2014, ông H đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện C. Ngày 06/6/2017, Chủ tịch UBND huyện C có Quyết định giải quyết khiếu nại số 6008/QĐ-UBND không chấp nhận việc khiếu nại của ông H.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 6008/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện C, ông H tiếp tục khiếu nại Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 07/02/2014 của UBND huyện C và Quyết định giải quyết khiếu nại số 6008/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện C đến Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 17/8/2018, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định giải quyết khiếu nại số 4450/QĐ-UBND không chấp nhận việc khiếu nại của ông H. Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh cũng không hợp lý, không đúng quy định của Luật đất đai.

*Người bị kiện - Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh trình bày tại văn bản số 7707/UBND-NCPC ngày 08/12/2017 có nội dung như sau:*

Phần diện tích đất 4656,5m<sup>2</sup> của ông H bị thu hồi theo tài liệu 299/TTr nằm hoàn toàn trong rạch G và rạch TL. Theo tài liệu 02/CT-UB có 4.539,9m<sup>2</sup> thuộc rạch (trong đó rạch G là 2.642m<sup>2</sup> và rạch TL là 1.897,9m<sup>2</sup>) và 116,6m<sup>2</sup> đất có thửa. Theo tài liệu kỹ thuật số năm 2003 thì thuộc một phần các thửa đất số 70, 80 tờ Bản đồ số 01, bộ địa chính xã P1. Nguồn gốc đất do các hộ lần chiếm sử dụng trước năm 1975. Năm 1998, ông H chuyển nhượng lại và sử dụng cho đến nay. Hiện trạng khi kiểm kê trên đất có trồng Tràm nước và một số cây ăn trái.

Phần diện tích đất 4656,5m<sup>2</sup> của ông H bị thu hồi nằm hoàn toàn trong rạch G và rạch TL nên không đủ điều kiện để được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-

CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về việc xử lý, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014. Do đó, không đủ điều kiện giải quyết bồi thường về đất.

Dự án đê bao sông Sài Gòn đoạn từ rạch T đến cầu B thực hiện theo Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/05/2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, nên việc hỗ trợ cho các đối tượng lấn, chiếm đất tại dự án được thực hiện theo quy định tại Điều 16 của Quyết định.

Căn cứ các quy định trên, UBND huyện C giải quyết hỗ trợ về đất cho ông H là 2000m<sup>2</sup>. Phần diện tích thu hồi còn lại 2.656,5m<sup>2</sup> không được xem xét hỗ trợ là đúng quy định. Ông H khiếu nại yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích 4656,5m<sup>2</sup> bị thu hồi là không có cơ sở.

Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo hướng giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 4450/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người bị kiện UBND và Chủ tịch UBND huyện C trình bày có những nội dung như sau:*

Người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 07/02/2014 của UBND huyện C về Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định giải quyết khiếu nại số 6008/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện C. Ông H yêu cầu bồi thường 4.656,5m<sup>2</sup> đất theo bản vẽ hiện trạng được lập khi kiểm kê bồi thường (gồm đất trồng cây lâu năm và đất trồng cây hàng năm).

Căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ số 9657/PA-HĐBT ngày 12/12/2013 của Hội đồng bồi thường dự án được UBND huyện C phê duyệt tại Quyết định số 12552/QĐ-UBND ngày 13/12/2013.

Ngày 07/04/2014, UBND huyện C có Quyết định 1858/QĐ-UBND về bồi thường cho ông H với tổng số tiền như sau:

- Cây cối, hoa màu: 24.181.000 đồng;
- Bồi thường tài sản khác: 4.042.400 đồng;
- Các chính sách hỗ trợ: 208.000.000 đồng.

Không đồng ý với quyết định trên, ông H khiếu nại lên Chủ tịch UBND huyện.

Ngày 06/6/2017, Chủ tịch UBND huyện C có Quyết định giải quyết khiếu nại số 6008/QĐ-UBND bác nội dung khiếu nại của ông H.

UBND và Chủ tịch UBND huyện C xác định:

Phần đất của ông H bị thu hồi trong dự án đầu tư xây dựng đê bao sông Sài Gòn từ rạch T đến cầu B tại xã P1 có diện tích 4656,5m<sup>2</sup>/11.958m<sup>2</sup> trong đó:

Theo tài liệu 299/TTr có 2.698,7m<sup>2</sup> thuộc rạch G, trong đó khu đất diện tích 1.104,8m<sup>2</sup>, theo tài liệu 02/CT-UB gồm 47,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 65 và 6,6 thuộc thửa 67 (56,7m<sup>2</sup> đất có thửa và 1.048,1 là rạch G) tờ bản đồ số 14, bộ địa chính xã P1 tương ứng theo tài liệu 2004 là thuộc thửa số 7 tờ bản đồ số 1 và khu đất diện tích 1.593,9m<sup>2</sup>, theo tài liệu 02/CT-UB thuộc rạch G tương ứng theo tài liệu 2004 là thuộc thửa số 7 tờ bản đồ số 1.

Theo tài liệu 299/TTr có 1.897,9m<sup>2</sup> thuộc rạch TL, tờ bản đồ số 1, bộ địa chính xã P1. Trong đó khu đất 837m<sup>2</sup>, theo tài liệu 02/CT-UB có 47,6m<sup>2</sup> thuộc thửa số 362 (đất có thửa) và 789,4m<sup>2</sup> là rạch TL, tờ bản đồ số 4 tương ứng theo tài liệu 2004 là thuộc thửa số 7 tờ bản đồ số 1 và khu đất diện tích 1.120,8m<sup>2</sup>, theo tài liệu 02/CT-UB có 12,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 235 và 1.108,5m<sup>2</sup> thuộc rạch TL tương ứng theo tài liệu 2004 là thuộc thửa số 80 tờ bản đồ số 1.

Hiện các phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận.

Như vậy, phần diện tích đất 4.656,5m<sup>2</sup> của ông H bị thu hồi có 2.642m<sup>2</sup> là rạch G, 1.897,9m<sup>2</sup> là rạch TL và 116,6m<sup>2</sup> đất có thửa. Nguồn gốc đất do các hộ lần chiếm sử dụng từ trước năm 1975, đến năm 1998 chuyển nhượng (giấy tay) cho ông H sử dụng đến lúc bị thu hồi.

Việc giải quyết chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các hộ dân sử dụng đất có nguồn gốc lần, chiếm trong dự án đê bao sông Sài Gòn được thực hiện theo Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/05/2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua kiểm tra hiện trạng phần diện tích đất của ông H bị thu hồi theo phương án có vị trí số 2 và vị trí số 3. UBND huyện C đã chọn chung cho phần đất bị thu hồi là vị trí số 2. Theo Điều quy định về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đơn giá đất là 104.000 đồng/m<sup>2</sup>.

Căn cứ quy định trên, UBND huyện C đã giải quyết hỗ trợ cho ông H 2.000m<sup>2</sup>/4.656,5m<sup>2</sup> bị ảnh hưởng trong dự án với đơn giá 104.000 đồng/m<sup>2</sup>. Phần diện tích còn lại 2.656,5m<sup>2</sup> theo phương án không được bồi thường.

Nay ông H yêu cầu hủy các quyết định nêu trên là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Sau khi UBND và Chủ tịch UBND huyện C có văn bản trả lời về yêu cầu của người khởi kiện.

Ngày 17/6/2020, Chủ tịch UBND huyện C có văn bản số 5565/UBND-TTH giải trình về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Văn H đối với Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 07/02/2014 của UBND huyện C với nội dung giải trình như sau:

Ngày 30/5/2014, ông H nộp đơn khiếu nại; Ngày 16/6/2014, UBND huyện C ra Thông báo số 292/TB-UBND về thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND huyện C ra Quyết định số 7131/QĐ-UBND giao Thanh tra huyện xác minh nội dung khiếu nại của ông Huỳnh Văn H. Căn cứ Điều 9 Luật khiếu nại năm 2011 thì việc khiếu nại của ông H còn trong thời hạn.

Quá trình giải quyết khiếu nại, ngày 08/7/2014 Thanh tra huyện có Báo cáo số 239/BC-TTH về kết quả xác minh, kết luận và kiến nghị Chủ tịch UBND huyện công nhận nội dung Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 07/02/2014 của UBND huyện C và bác nội dung khiếu nại của ông H.

Ngày 01/10/2014, Chủ tịch UBND huyện đối thoại với ông H và chỉ đạo tạm ngừng giải quyết đơn khiếu nại của ông H để tiếp tục thẩm tra, xác minh và xin ý kiến Thành phố để xử lý. Sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thành phố, UBND huyện sẽ tiếp tục giải quyết; Ngày 09/10/2014 Văn phòng UBND huyện có Thông báo số 385/TB-VP thông báo ý kiến của Chủ tịch UBND huyện.

Ngày 26/12/2014, UBND huyện có Công văn số 9700/UBND-TNMT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường xin ý kiến hướng dẫn; Đến ngày 09/02/2015, chưa nhận được phúc đáp, UBND huyện tiếp tục có văn bản số 1034/UBND-TNMT hỏi về việc trên. Đến ngày 07/03/2016 vẫn chưa nhận được hướng dẫn nên UBND huyện tiếp tục có Công văn số 1672/UBND-TTH và ngày 17/5/2016 tiếp tục có Công văn số 3928/UBND-TNMT để có hướng dẫn xử lý trường hợp trên. Ngày 17/6/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường có công văn/TNMT-VPĐK và Công văn số 5911/TNMT-KTĐ ngày 20/06/2016 về xác định điều kiện cấp giấy chứng nhận đối với đất lấn chiếm sông, rạch và chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án đê bao sông Sài Gòn; Ngày 13/7/2016, UBND huyện có Công văn số 5873/UBND-TNMT chỉ đạo UBND 21 xã, thị trấn liên quan nội dung hướng dẫn trên của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Ngày 09/09/2016, UBND huyện tổ chức họp giải quyết đơn khiếu nại của ông H và có Thông báo số 1698/TB-VP ngày 15/9/2016 của Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND huyện về giao UBND xã P1 phối hợp cùng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện thẩm tra, xác minh lại quá trình quản lý, sử dụng đối với khu đất bị ảnh hưởng dự án mà ông H khiếu nại.

Ngày 24/04/2017, Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND huyện có Thông báo số 293/TB-VP về giải quyết đơn của ông Huỳnh Văn H, giao Thanh tra huyện tổng hợp báo cáo Thường trực UBND huyện; Ngày 18/5/2017 Thanh tra huyện có Báo cáo số 127/BC-TTH về kết quả xác minh, kết luận và kiến nghị giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Văn H.

Ngày 19/5/2017, Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND huyện có Thông báo số 323/TB-VP về thống nhất Báo cáo số 127/BC-TTH Ngày 18/5/2017 của Thanh tra huyện. Giao Thanh tra huyện tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với ông Huỳnh Văn H.

Ngày 06/6/2017, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 6008/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại đối với ông Huỳnh Văn H với nội dung công nhận Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 07/02/2014 của UBND huyện và bác nội dung khiếu nại của ông H. Ngày 09/6/2017, Thanh tra huyện giao Quyết định giải quyết khiếu nại cho bà Trần Thu T (vợ ông Huỳnh Văn Hải).

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1446/2020/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Căn cứ Điều 29; khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32 và khoản 1, 2 Điều 54; điểm c khoản 2 Điều 61; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 3 Điều 116; khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 158, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án và lệ phí Tòa án;

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện yêu cầu hủy một phần về hỗ trợ 2000m<sup>2</sup> đất trong dự án đê bao sông Sài Gòn Gòn đoạn từ rạch T đến cầu B của ông Huỳnh Văn H trong các quyết định:

Quyết định giải quyết khiếu nại số 4450/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 07/02/2014 của UBND huyện C về bồi thường hỗ trợ đối với ông Huỳnh Văn H;

Quyết định giải quyết khiếu nại số 6008/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện C đối với ông Huỳnh Văn H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/9/2020, ông Trần Thái B (người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thu T) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Nguồn gốc đất do của các hộ dân khai phá từ trước năm 1975, đến năm 1998 thì các hộ này chuyển nhượng cho ông H, ông H sử dụng đến nay không ai tranh chấp. UBND huyện C căn cứ vào tài liệu 299 và 02, nhưng đất này sử dụng trước năm 1975, theo tài liệu bản đồ kỹ thuật số năm 2003 đất này không còn là đất kênh rạch mà là đất có sổ thửa. Các biên bản kiểm kê, bản đồ hiện trạng vị trí, hiện trạng xác minh giải quyết khiếu nại lần đầu đều thể hiện đất này ông H đang trồng cây, nuôi cá, không phải đất kênh rạch. UBND huyện C không có văn bản xử phạt hành chính về hành vi lấn chiếm đất của ông H, không có văn bản thể hiện đất này là đất công, do đó UBND huyện xác định đất này là đất lấn chiếm là không có căn cứ, không đúng quy định pháp luật. Diện tích đất của ông H đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên thuộc trường hợp được bồi thường khi thu hồi đất. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: UBND huyện C đã có nhiều văn bản xin ý kiến cấp trên. UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã có các văn bản hướng dẫn, căn cứ văn bản này UBND huyện C đã rà soát nguồn gốc đất sử dụng đất của ông H. Qua đó, xác định ông H không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khu đất của ông H hiện đang thực hiện làm công, chứng tỏ đất của ông H vẫn còn là đất rạch G. UBND huyện C đã xem xét hỗ trợ cho ông H đối với diện tích 2.000m<sup>2</sup> là có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Đơn kháng cáo của ông Trần Thái B làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện.

#### **[2] Về nội dung:**

Ông Huỳnh Văn H, bà Trần Thu T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4450/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 07/02/2014 của UBND huyện C về bồi thường hỗ trợ đối với ông Huỳnh Văn H; Quyết định giải quyết khiếu nại số 6008/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện C đối với ông Huỳnh Văn H; lý do phần diện tích đất thu hồi 4.656,5m<sup>2</sup> ông H nhận chuyển nhượng của các hộ dân từ năm 1998 và sử dụng ổn định, không có tranh chấp cho đến thời điểm bị thu hồi nên đủ điều kiện để được bồi thường về đất đối với toàn bộ diện tích 4.656,5m<sup>2</sup>.

Quá trình khiếu nại cũng như giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông H, bà T thống nhất về diện tích đất thu hồi, vị trí đất và giá đất áp dụng để bồi thường theo Quyết định số 61/2012/QĐ-UBND ngày 22/12/2012 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh; chỉ không đồng ý việc UBND huyện C không bồi thường đối với diện tích đất còn lại 2.656,5m<sup>2</sup> (4.656,5m<sup>2</sup> – 2.000m<sup>2</sup>).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo tài liệu 299/TTr thì phần diện tích đất thu hồi có 2.698,7m<sup>2</sup> thuộc rạch G, trong đó khu đất diện tích 1.104,8m<sup>2</sup>, theo tài liệu 02/CT-UB gồm 47,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 65 và 6,6m<sup>2</sup> thuộc thửa 67, tờ bản đồ số 14, bộ địa chính xã P1 tương



ứng theo tài liệu 2004 là thuộc thửa số 7 tờ bản đồ số 1 và khu đất diện tích 1.593,9m<sup>2</sup>, theo tài liệu 02/CT-UB thuộc rạch G tương ứng theo tài liệu 2004 là thuộc thửa số 7 tờ bản đồ số 1.

Phần diện tích còn lại theo tài liệu 299/TTr có 1.897,9m<sup>2</sup> thuộc rạch TL, tờ bản đồ số 1, bộ địa chính xã P1. Trong đó khu đất 837m<sup>2</sup>, theo tài liệu 02/CT-UB có 47,6m<sup>2</sup> thuộc thửa số 362 (đất có thửa) và 789,4m<sup>2</sup> là rạch TL, tờ bản đồ số 4 tương ứng theo tài liệu 2004 là thuộc thửa số 7 tờ bản đồ số 1 và khu đất diện tích 1.120,8m<sup>2</sup>, theo tài liệu 02/CT-UB có 12,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 235 và 1.108,5m<sup>2</sup> thuộc rạch TL tương ứng theo tài liệu 2004 là thuộc thửa số 80 tờ bản đồ số 1.

Như vậy, phần diện tích đất 4.656,5m<sup>2</sup> của ông H bị thu hồi có 2.642m<sup>2</sup> là thuộc rạch G, 1.897,9m<sup>2</sup> là thuộc rạch TL và 116,6m<sup>2</sup> đất có thửa. Nguồn gốc đất do các hộ lần chiếm sử dụng từ trước năm 1975, đến năm 1998 chuyển nhượng (giấy tay) cho ông H sử dụng đến lúc bị thu hồi. Do đó, theo quy định pháp luật, ông H không đủ điều kiện để được bồi thường khi thu hồi đất đối với toàn bộ diện tích đất 4.656,5m<sup>2</sup>.

UBND huyện C áp dụng Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/05/2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, bồi thường hỗ trợ giá trị đất nông nghiệp cho ông H, bà T đối với diện tích 2.000m<sup>2</sup>/4.656,5m<sup>2</sup> là đã đảm bảo quyền lợi cho ông H, bà T. Vì vậy, ông H, bà T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 07/02/2014 của UBND huyện C về bồi thường hỗ trợ đối với ông Huỳnh Văn H là không có cơ sở chấp nhận.

Quyết định số 6008/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện C và Quyết định số 4450/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết khiếu nại, không chấp nhận khiếu nại của ông H, bà T đối với Quyết định số 1858/QĐ-UBND là đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thái B (người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thu T); cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thu T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thái B (người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn H và bà Trần Thu T). Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1446/2020/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân

Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện yêu cầu hủy một phần về hỗ trợ 2000m<sup>2</sup> đất trong dự án đê bao sông Sài Gòn Gòn đoạn từ rạch T đến cầu B của ông Huỳnh Văn H trong các quyết định:

Quyết định giải quyết khiếu nại số 4450/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 07/02/2014 của UBND huyện C về bồi thường hỗ trợ đối với ông Huỳnh Văn H;

Quyết định giải quyết khiếu nại số 6008/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND huyện C đối với ông Huỳnh Văn H.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn H, bà Trần Thu T phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0092849 ngày 19/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- ĐS (5);
- Lưu VP (3), HS (2).15b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thanh Dũng**